

Trưởng Khoa Xã hội học, Trưởng Bộ môn Lý thuyết và Phương pháp nghiên cứu, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, đã đọc và đóng góp những ý kiến quý báu cho lần xuất bản này. Xin cảm ơn Thạc sĩ Trương Văn Vỹ, Thạc sĩ Nguyễn Thị Hồng Xoan, Giảng viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và các bạn đồng nghiệp, đã động viên khuyến khích và có những ý kiến đóng góp về mặt kết cấu, nội dung của giáo trình.

Mặc dù đã rất cố gắng trong khi biên soạn, giáo trình này không tránh khỏi những thiếu sót, mong sự lượng thứ của độc giả và mong nhận được những đóng góp ý kiến từ phía độc giả để giáo trình được hoàn thiện hơn trong lần tái bản.

*Thạc sĩ TẠ MINH*

# Phần I

## KHÁI QUÁT SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI HỌC

### Bài 1

#### LỊCH SỬ HÌNH THÀNH XÃ HỘI HỌC

#### I. SỰ RA ĐỜI CỦA XÃ HỘI HỌC

Thuật ngữ *xã hội học*, có nguồn gốc từ chữ La tinh, Societas (xã hội) và chữ Hy Lạp Logos (học thuyết). Vì vậy, xã hội học cũng có nghĩa là lý thuyết về xã hội. Đây là một ngành khoa học mới, so với các khoa học khác. Thuật ngữ *xã hội học* xuất hiện lần đầu bởi Auguste Comte (1798-1857), một nhà triết học người Pháp, người sáng lập ra "chủ nghĩa thực chứng" (1839). Do vậy, Auguste Comte là người đầu tiên khởi xướng ra môn xã hội học và được coi là ông tổ của môn học này.

Hơn một thế kỷ qua, xã hội học đã có những bước phát triển quan trọng và nó đã thu được một số thành tựu to lớn trên thế giới, có tác dụng không nhỏ trong đời sống xã hội. Đặc biệt, xã hội học được áp dụng và phát triển mạnh ở các nước công nghiệp phát triển. Lý luận xã hội học đã thâm nhập vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, trở nên quen thuộc với mọi tầng lớp nhân dân, thông qua hệ thống giáo dục của các trường đại học và cao đẳng. Đây cũng là môn khoa học bắt buộc đối với sinh viên ở bậc đại học,

cao đẳng ở Việt Nam và nhiều quốc gia khác.

Sự phát triển của xã hội học, gắn liền với sự phát triển của xã hội. Xã hội càng phát triển, thì yêu cầu hiểu biết về xã hội học càng cần thiết, vì nó trang bị những tri thức mới cho sự phát triển của nhân loại, của đời sống xã hội loài người, cùng với mối quan hệ của nó. Cùng với các ngành khoa học khác, xã hội học đã chỉ ra những con đường, những biện pháp, cách thức hoàn thiện, phát triển các mặt của đời sống xã hội phù hợp với quy luật vận động của xã hội.

Ở Việt Nam, xã hội học còn rất mới mẻ, nhưng nó đã có những tác dụng nhất định trong việc nhận thức và ứng dụng vào quản lý xã hội, quản lý đất nước, trong sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Hơn lúc nào hết, trong điều kiện hiện nay, muốn hoàn thành sự nghiệp đó, cần phải phát huy được vai trò của nhân tố con người. Trong đời sống xã hội, cần phải không ngừng hoàn thiện các mối quan hệ xã hội, Mác cho rằng: *Sự phát triển của xã hội, thể hiện ra trước hết là hiện thực cải tạo thực tiễn của con người và hoạt động của quần chúng nhân dân, được quy định bởi tiến trình của lịch sử*<sup>1</sup>.

Là môn khoa học về xã hội, nghiên cứu về các quan hệ xã hội, nó ra đời do yêu cầu của bản thân sự vận động xã hội, đặc biệt là trong những bối cảnh xã hội có nhiều biến động. Là môn khoa học nghiên cứu về con người, về cách ứng xử và quan hệ của con người trong các nhóm, các tổ chức xã hội, sự ra đời của xã hội học nhằm đáp ứng ba nhu cầu căn bản sau đây:

- Xã hội học ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu nhận thức xã hội. Con người là một thực thể xã hội, con người tồn tại và phát triển trong xã hội. Và, trong tiến trình lịch sử, con người luôn muốn tìm hiểu bản chất mối quan hệ giữa người với người trong đời sống xã hội. Do vậy, xã hội được tạo ra bởi các quan hệ xã hội. Đó là mối quan hệ giữa người với người, được

<sup>1</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, tập 1, Nhà Xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1978, trang 376.

hình thành trong quá trình hoạt động thực tiễn. Trong việc giải quyết những vấn đề của đời sống xã hội, cải tạo xã hội thì con người phải nhận thức được xã hội, hiểu biết được xã hội và phải có những kiến thức phong phú về một xã hội đa dạng. Xã hội học phải nhận thức và nghiên cứu xã hội, mới có phương cách để biến đổi chúng, nhằm mục đích phục vụ con người. Khi nhận thức một xã hội cụ thể, phải dựa theo quan điểm lịch sử, cụ thể và căn cứ vào những tiêu chí văn hóa, dân cư, dân tộc và đường lối, chính sách của một quốc gia cụ thể. Đồng thời, cần phải phản ánh trung thực thực trạng xã hội phức tạp, đa dạng và phải tính đến đặc điểm đặc thù của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc cụ thể trong điều kiện và hoàn cảnh cụ thể.

- Xã hội học ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động thực tiễn. Thực tiễn cuộc sống của xã hội là hết sức phong phú, xã hội học luôn luôn gắn liền với sự vận hành của một xã hội cụ thể, luôn gắn liền với quá trình hoạt động thực tiễn của con người trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Xã hội học là một khoa học xuất phát từ thực tiễn và chỉ có dựa vào thực tiễn, thì nó mới thực hiện được các nhu cầu khác.

- Xã hội học ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của bản thân sự vận động xã hội, mỗi ngày một đa dạng, phong phú và hết sức phức tạp. Xã hội luôn nảy sinh những vấn đề cho xã hội học.

## II. NHỮNG ĐIỀU KIỆN CỦA SỰ XUẤT HIỆN XÃ HỘI HỌC

### II. 1. Điều kiện kinh tế - xã hội

Ba vấn đề có tính nền tảng của điều kiện kinh tế - xã hội cho xã hội học xuất hiện: (1) Điều kiện kinh tế là điều kiện cơ bản nhất, nó phản ánh thực trạng kinh tế - xã hội trong điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cụ thể. (2) Cuộc cách mạng công nghiệp bùng nổ từ những năm giữa thế kỷ XVIII ở châu Âu, đã thúc đẩy nền sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển. (3) Quá trình công nghiệp hóa, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp ở nước Anh từ giữa thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XIX, đã thúc đẩy sự phát triển đô thị một cách nhanh chóng, từ đó đã hình thành các trung tâm công nghiệp, trung tâm thương mại và kéo theo sự hình thành các tầng lớp dân cư mới, hình

thành các nhóm xã hội, cộng đồng xã hội khác nhau.

Cuộc cách mạng công nghiệp bùng nổ, đô thị được hình thành, tạo ra sự chuyển dịch dân cư hết sức to lớn, mâu thuẫn giai cấp, mâu thuẫn dân tộc và những quan hệ xã hội hết sức phức tạp nảy sinh. Đồng thời, do ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghiệp, chủ nghĩa tư bản đã phát triển ở một trình độ nhất định, dẫn tới sự thay đổi chung về cơ cấu xã hội, làm tan vỡ xã hội nông thôn truyền thống thời phong kiến, làm thay đổi lối sống, dẫn tới sự phân hóa giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. Trong xã hội, tình trạng nghèo nàn, quần bách, cùng cực của tầng lớp lao động, bị bóc lột và lạm dụng - nhất là đối với phụ nữ và trẻ em. Các khu nhà ổ chuột của dân nghèo xuất hiện, cùng với sự đồi bại của bộ máy quan liêu.

Sự phát triển của đô thị, đã làm đảo lộn trật tự và thói quen của cộng đồng. Sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn, đã làm thay đổi mối quan hệ ổn định từ lâu mà con người đã gắn bó với cộng đồng. Sự thay đổi đó, làm cho con người băn khoăn về tương lai, suy nghĩ về sự ổn định của một trật tự xã hội.

Các yếu tố trên, đã đặt ra cho các nhà khoa học cần phải nghiên cứu để giải quyết những bức xúc đó, để tìm hiểu xã hội xem bản chất xã hội là gì, đó cũng chính là điều kiện để xã hội học xuất hiện.

## II. 2. Điều kiện chính trị

Cuộc cách mạng tư sản nổ ra liên tiếp ở nhiều nước châu Âu, như ở Hà Lan, Anh quốc (1642-1648), báo hiệu giờ cáo chung của chế độ phong kiến đã đến. Tiêu biểu là cuộc Đại cách mạng tư sản Pháp (1789-1794), đã có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống xã hội - đôn quyết định tiêu diệt chế độ phong kiến châu Âu. Đó là một cuộc cách mạng triệt để, đập tan chế độ quân chủ chuyên chế của xã hội phong kiến, là hồi chuông kết thúc đêm trường Trung cổ ở châu Âu. Nó đã đưa ra các vấn đề xã hội mới mẻ: Tự do - Bình đẳng - Bác ái... Nó tạo ra bầu không khí tự do cho nhóm trí thức và làm xuất hiện những tư tưởng tiến bộ, họ có cách nhìn khoa học đối với xã hội - tự nhiên, họ giải thích thế giới một cách khoa học, giải thích xã hội

bằng những quy luật. Đây là một tiền đề ra đời của xã hội học, nhằm xem xét quá khứ, giải quyết hiện tại, dự báo cho tương lai và mô tả, xem xét xã hội trên cơ sở khoa học.

## II. 3. Tiền đề khoa học

Các phát kiến khoa học của nhân loại thời cổ đại, như toán học của Pi-ta-go, hình học của O-Clít, vật lý học của Ác-xi-mét đã được khôi phục lại sau đêm trường Trung cổ. Về khoa học xã hội, như những tư tưởng của Aritxtot, Platon, Đê-các-tơ, đã được các nhà tư tưởng kế thừa và phát huy. Do sự phát triển của trí thức nhân loại, dẫn tới sự phân hóa các ngành khoa học khác nhau, trong đó có ngành xã hội học. Nó là một nhu cầu, một tiền đề để xã hội học ra đời.

Tóm lại, cuộc cách mạng công nghiệp bùng nổ vào giữa thế kỷ XVIII, đã tạo nên một sự đảo lộn ghê gớm trong xã hội. Sự phát triển của kinh tế, đã tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển. Sự phát triển của kinh tế đã tạo nên các đô thị lớn, tạo nên sự chuyển dịch dân cư khổng lồ cùng với mâu thuẫn giai cấp, mâu thuẫn dân tộc căng thẳng. Các quan hệ xã hội ngày càng phức tạp, đa dạng, xã hội biến động, khủng hoảng về kinh tế, chính trị, xã hội luôn diễn ra. Để quản lý một xã hội như vậy, đòi hỏi phải có một ngành khoa học đóng vai trò như một bác sỹ khám bệnh cho cơ thể sống xã hội và tiến tới giải phẫu các mặt, các lĩnh vực... xã hội học ra đời đáp ứng những nhu cầu bức xúc đó.

## III. Ý NGHĨA CỦA SỰ XUẤT HIỆN XÃ HỘI HỌC

Sự xuất hiện của xã hội học, có một vị trí và ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với đời sống xã hội. Xã hội học cùng với các ngành khoa học khác, giúp chúng ta những tri thức, những hiểu biết để nhận thức các quy luật khách quan của thực tiễn xã hội, để nhận biết sự vận động của hệ thống các mối quan hệ xã hội của các nhóm và cộng đồng. Đồng thời, xã hội học trang bị những tri thức để hiểu biết về con đường và các biện pháp, để đạt được mục đích cải tạo thế giới, cải tạo hiện thực xã hội.

### III. NHỮNG NHÀ LÝ THUYẾT XÃ HỘI HỌC THỜI KỲ ĐẦU

#### III. 1. Auguste Comte (1798-1857)

Ông là nhà lý thuyết xã hội học, nhà thực chứng luận người Pháp, người đầu tiên đưa ra thuật ngữ *xã hội học*. Ông học ở trường đại học từ năm 1807 về các lĩnh vực như: toán học, các môn khoa học xã hội và nhân văn. Ông đã có thời gian là thư ký cho Saint-Simon (1817 đến 1824). Ông đã chịu sự ảnh hưởng của triết học Ánh sáng và cũng là người chứng kiến những biến động chính trị xã hội, các cuộc cách mạng công nghiệp và những cuộc xung đột giữa khoa học và tôn giáo ở Pháp.

Các tác phẩm chính: *Triết học thực chứng*, xuất bản 1830-1842, (gồm nhiều tập) và *Hệ thống chính trị học thực chứng*, xuất bản 1851-1854.

Phương pháp luận cơ bản của A. Comte là coi xã hội học khoa học về các quy luật tổ chức xã hội. Xã hội học phải hướng tới sự tìm ra những quy luật khái quát phản ánh mối quan hệ căn bản nhất của các sự vật, các hiện tượng trong xã hội. Xã hội học phải có nhiệm vụ góp phần tổ chức lại xã hội và lập lại trật tự xã hội, dựa vào các quy luật tổ chức và biến đổi xã hội bằng phương pháp luận của chủ nghĩa thực chứng.

Theo A. Comte, xã hội học cũng giống như khoa học tự nhiên, như vật lý, sinh học trong việc vận dụng các phương pháp luận để tìm ra bản chất của xã hội, ông xem xã hội học như là vật lý xã hội. Ông phân loại các phương pháp xã hội học thành 4 nhóm:

- Quan sát;
- Thực nghiệm;
- So sánh;
- Phân tích lịch sử.

Vật lý xã hội học của ông, được hợp thành từ hai bộ phận chính: Tĩnh học xã hội và Động học xã hội.

+ Tĩnh học xã hội, nghiên cứu về trật tự xã hội, cơ cấu xã hội, các thành phần và mối liên hệ của chúng: đơn vị cơ bản nhất, sơ đẳng nhất của xã hội chính là gia đình và ông đưa ra cách giải quyết nhấn mạnh tới vai trò của nhà nước, yếu tố văn hóa, tinh thần xã hội.

+ Động học xã hội, nghiên cứu các quy luật biến đổi xã hội trong các hệ thống xã hội theo thời gian. Ông đưa ra quy luật 3 giai đoạn để giải thích sự phát triển của hệ thống cơ cấu xã hội:

- Thần học;
- Siêu hình;
- Thực chứng.

A. Comte cho rằng, mỗi giai đoạn trước là điều kiện phát triển của mỗi giai đoạn sau. Ở giai đoạn thực chứng, nhờ nắm vững và giải thích có khoa học sự vận hành của xã hội mà con người kiểm soát, quản lý bằng cách tuân thủ và vận dụng được các quy luật của Tĩnh và Động học xã hội và các nhà trí thức có khả năng đóng vai trò thủ lĩnh, lãnh đạo, quản lý xã hội. Xã hội học có nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu nhận thức, nhu cầu giải thích những biến đổi xã hội, góp phần lập lại trật tự ổn định xã hội.

#### III. 2. Karl Marx (1818-1883)

Nhà triết học, nhà lý luận của phong trào cộng sản và công nhân thế giới, là nhà sáng lập Chủ nghĩa cộng sản khoa học, là nhân vật đóng vai trò quan trọng trong lịch sử phát triển của xã hội học. Marx không để lại một lý thuyết hoàn chỉnh về xã hội học, nhưng trong toàn bộ di sản đồ sộ của Marx đã ảnh hưởng rất lớn đến xã hội học. Đặc biệt là học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội.

Marx đã phân tích trật tự xã hội tư bản, với một thiểu số người thuộc giai cấp tư sản, kẻ bóc lột, áp bức, thống trị đa số người khác là giai cấp công nhân. Từ đó, Marx đã xây dựng hệ thống quan điểm phản ánh sâu sắc những biến đổi của thế kỷ XIX với các cuộc cách mạng chính trị, công

ng nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa.

Marx đã phân tích sự vận động xã hội, chỉ ra quy luật phát triển lịch sử của xã hội. Marx cho cơ sở của sự phân hóa xã hội thành các giai cấp là các mối quan hệ xã hội, ở đó hàm chứa những xung đột giai cấp, đấu tranh giai cấp.

Cuộc đời của Marx, là quá trình kết hợp giữa nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. Với hai phát kiến vĩ đại của Marx, lý luận về giá trị thặng dư và chủ nghĩa duy vật lịch sử, Marx đã chuyển từ chủ nghĩa duy tâm sang chủ nghĩa duy vật, từ người dân chủ xã hội sang cộng sản. Lý luận chủ nghĩa duy vật lịch sử, là lý luận và phương pháp luận quan trọng của xã hội học Mác-xít.

Nghiên cứu xã hội học, cần phân tích con người sản xuất ra các phương tiện để sinh tồn như thế nào? Những điều kiện nào cản trở những năng lực của con người trong xã hội. Marx cho rằng, sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất sẽ dẫn đến sự bất bình đẳng và phân tầng xã hội. Do vậy, cần phải xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân và thay vào đó là chế độ sở hữu của toàn xã hội để xây dựng xã hội công bằng và văn minh.

Về quy luật phát triển của lịch sử, Marx đã chỉ rằng, lịch sử xã hội loài người đã trải qua năm hình thái kinh tế - xã hội:

- Hình thái kinh tế xã hội công xã nguyên thủy;
- Hình thái kinh tế xã hội chiếm hữu nô lệ;
- Hình thái kinh tế xã hội phong kiến;
- Hình thái kinh tế xã hội tư bản chủ nghĩa;
- Hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Quy luật phát triển lịch sử xã hội được làm sáng tỏ qua hệ thống các khái niệm, phạm trù của chủ nghĩa duy vật lịch sử như: tư liệu sản xuất, quan hệ xã hội, lực lượng sản xuất, phương thức sản xuất và hình thái kinh tế - xã hội...

Ngoài ra, Marx còn đề cập đến một loạt vấn đề xã hội như khái niệm *thả hóa*, mối quan hệ giữa đời sống kinh tế với các định chế xã hội khác, quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, phân hóa xã hội, hôn nhân gia đình, đô thị, nông thôn qua một loạt tác phẩm:

- Hệ tư tưởng Đức, 1845;
- Sự khốn cùng của triết học, 1847;
- Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, 1848;
- Tư bản luận, 1867-1885-1894.

### III. 3. Herbert Spencer (1820-1903)

Herbert Spencer là nhà xã hội học người Anh, sống trong tình hình chính trị xã hội Anh thế kỷ XIX, không có nhiều biến động xã hội gay gắt như ở Pháp. Ông đã phát triển "Lý thuyết xã hội" (1876). Do ảnh hưởng thuyết tiến hóa của Đac-uyn (1809-1882), ông đưa ra quan điểm tiến hóa xã hội. Theo ông: chỉ có các cá nhân nào, hệ thống xã hội nào có khả năng thích nghi nhất với môi trường xung quanh thì mới có thể tồn tại được trong cuộc đấu tranh sinh tồn.

Herbert Spencer coi xã hội như một cơ thể sống, cũng như mọi hiện tượng tự nhiên, xã hội vận động và phát triển theo quy luật. Ông cho rằng, nguyên lý cơ bản nhất của xã hội học là nguyên lý tiến hóa. Các xã hội loài người phát triển tuân theo những quy luật tiến hóa từ xã hội có cơ cấu nhỏ, đơn giản, chuyên môn hóa thấp, không ổn định, dễ phân rã đến xã hội có cơ cấu lớn, phức tạp, chuyên môn hóa cao, có sự liên kết bền vững và ổn định.

Theo Herbert Spencer, các hiện tượng, quá trình xã hội luôn gắn liền với các cá nhân, với tất cả các đặc điểm về động cơ, nhu cầu, tình cảm, trí tuệ và hành động phức tạp, đa dạng.

Nguyên lý cơ bản của xã hội học, là nguyên lý tiến hóa xã hội. Sự tiến hóa xã hội tất yếu sẽ đưa ra xã hội tiến lên từ xã hội thuần nhất, đơn giản đến xã hội phức tạp, đa dạng, từ trạng thái bất ổn định, không hoàn hảo

đến trạng thái cân bằng, hoàn hảo.

Herbert Spencer chia xã hội thành 2 loại:

+ Xã hội quân sự, với đặc trưng là cơ chế tổ chức, điều chỉnh mang tính tập trung, độc đoán để phục vụ mục tiêu quốc phòng và chiến tranh;

+ Xã hội công nghiệp, với đặc trưng là cơ chế tổ chức ít tập trung và ít độc đoán, nhằm phục vụ mục tiêu sản xuất hàng hóa và dịch vụ.

**Tóm lại,** Herbert Spencer đã để lại nhiều ý tưởng quan trọng được tiếp tục phát triển trong các trường phái lý thuyết xã hội học hiện đại. Ông dùng lý thuyết tiến hóa để giải thích sự biến đổi xã hội, ông cho rằng, tiến hóa là một quá trình tự nhiên và sự tiến hóa không làm cản trở bước tiến của nhân loại.

### III. 4. Emile Durkheim (1858-1917)

Emile Durkheim, nhà xã hội học người Pháp, nhà khoa học chuyên ngành đầu tiên trong lịch sử xã hội học, là nhà xã hội học cả từ cơ sở khoa học lẫn chính trị. Trong thời kỳ Bordeaux, ông đã công bố 3 tác phẩm quan trọng: "*Sự phân công lao động xã hội*", "*Các quy tắc của phương pháp xã hội học*", "*Tự tử*".

#### III. 4. 1. Quan niệm về xã hội học của Durkheim

- Là khoa học nghiên cứu sự kiện xã hội, xã hội học sử dụng phương pháp thực chứng để nghiên cứu, giải thích nguyên nhân và các chức năng của sự kiện xã hội. Ông chịu ảnh hưởng nhiều về lý luận của các nhà tư tưởng châu Âu (Staint-Simon, A. Comte, H. Spencer...), ông chủ trương xã hội học phải trở thành khoa học về các quy luật tổ chức xã hội, ông cho xã hội biến đổi từ *đơn giản* đến *phức tạp*. Xã hội học của Durkheim xoay quanh mối quan hệ giữa con người và xã hội;

- Muốn xã hội học trở thành khoa học, cần phải xác định đối tượng nghiên cứu một cách khoa học. Phải coi xã hội, cơ cấu xã hội, thiết chế xã hội, đạo đức, truyền thống, phong tục, tập quán, ý thức tập thể... là các sự

kiện xã hội, các sự vật, các bằng chứng có thể quan sát được.

#### III. 4. 2. Phương pháp nghiên cứu xã hội học của Durkheim

- Sự kiện xã hội được hiểu theo hai nghĩa: thứ nhất, các sự kiện xã hội vật chất như nhóm, dân cư và tổ chức xã hội. Thứ hai, các sự kiện xã hội phi vật chất như hệ thống chính trị, chuẩn mực, phong tục tập quán xã hội;

- Durkheim chia sự kiện xã hội thành 3 vấn đề cơ bản:

+ Sự kiện xã hội, là những gì bên ngoài cá nhân (nó được thể hiện các cá nhân không chỉ sinh ra trong môi trường đã có sẵn các sự kiện như các thiết kế, chuẩn mực, giá trị, niềm tin, cơ cấu xã hội..., họ còn được học tập, chia sẻ và tuân thủ các chuẩn mực xã hội);

+ Các sự kiện xã hội, bao giờ cũng là chung đối với nhiều cá nhân, nó được toàn cộng đồng xã hội chia sẻ, chấp nhận;

+ Các sự kiện xã hội, bao giờ cũng có sức mạnh kiểm soát, hạn chế, cưỡng chế hành động và hành vi của các cá nhân.

#### III. 4. 3. Các khái niệm cơ bản trong xã hội học Durkheim

- *Đoàn kết xã hội*: nó gần giống khái niệm *hội nhập xã hội* hiện nay đang sử dụng. Dùng khái niệm này chỉ mối quan hệ giữa cá nhân - xã hội, giữa cá nhân - cá nhân, giữa cá nhân - nhóm xã hội. Nếu không có đoàn kết xã hội thì cá nhân riêng lẻ, biệt lập, không tạo thành xã hội với tư cách là một chỉnh thể (trong tác phẩm "*Phân công lao động xã hội*", ông cho rằng, đoàn kết là phương thức của những mối quan hệ, là một kiểu quan hệ, một hình thức của khả năng xã hội. Ông phân biệt rõ hai hình thức đoàn kết: đoàn kết máy móc và đoàn kết có tổ chức, trong đó đoàn kết máy móc sẽ dần bị thay thế bởi đoàn kết có tổ chức);

- *Đoàn kết cơ học*: là kiểu đoàn kết xã hội dựa trên sự thuần nhất đơn điệu của các giá trị, niềm tin, cá nhân gắn bó với nhau vì có sự kiểm soát của xã hội và vì lòng trung thành của cá nhân đối với truyền thống, tập tục và quan hệ gia đình...;

- *Đoàn kết hữu cơ*: là kiểu đoàn kết xã hội dựa trên sự phong phú, đa dạng của các mối liên hệ, tương tác giữa các cá nhân với các bộ phận cấu thành xã hội.

Tóm lại, xã hội học của Durkheim nghiên cứu các sự kiện xã hội, ông đã xây dựng được cơ sở lý thuyết xã hội học, ông cho xã hội tiến bộ được là do có sự góp phần chung của niềm tin, giá trị của mỗi thành viên. Ông quan niệm các chuẩn mực xã hội, quy tắc xã hội luôn có tác dụng điều tiết hành vi và thái độ của cá nhân thông qua những giá trị mà cá nhân đã nội tâm hóa. Tác phẩm "Tự tử"... không thuần túy mang tính cá nhân mà nó còn mang cả yếu tố xã hội nữa.

### III. 5. Max Weber (1864-1920)

Max Weber là nhà xã hội học người Đức, có những đóng góp rất lớn về mặt phương pháp luận đối với xã hội học hiện đại trong bối cảnh lịch sử xã hội và triết học Đức cuối thế kỷ XIX, với những cuộc tranh luận về bản chất phương pháp khoa học xã hội - khoa học tự nhiên.

Max Weber cho đối tượng nghiên cứu của khoa học tự nhiên là các sự kiện vật lý của giới tự nhiên, còn đối tượng nghiên cứu của khoa học xã hội là hoạt động xã hội của con người.

Tri thức khoa học tự nhiên là sự hiểu biết về giới tự nhiên có thể giải thích nó bằng các quy luật khách quan, chính xác. Còn tri thức khoa học xã hội là sự hiểu biết về xã hội do con người tạo ra.

Khoa học tự nhiên chỉ cần quan sát các sự kiện của tự nhiên và tường thuật lại kết quả quan sát là đủ. Còn khoa học xã hội, ngoài phạm vi quan sát thì còn phải giải thích, lý giải động cơ, quan niệm và thái độ của các cá nhân. Đặc biệt, giải thích xem những chuẩn mực văn hóa, hệ giá trị và những hiểu biết của cá nhân ảnh hưởng như thế nào đến hành động của họ. Ông cho rằng, xã hội học là khoa học có nhiệm vụ giải thích hành động xã hội và tiến đến giải thích nhân quả về đường lối và hiệu quả hành động xã hội.

Hành động xã hội là đối tượng nghiên cứu của xã hội học. Đó là hành động được chủ thể gắn cho nó một ý nghĩa chủ quan nào đó, là hành động có tính đến hành vi của người khác, được định hướng tới người khác, trong đường lối trong quá trình của nó.

Không phải hành động nào cũng có tính xã hội. Ví dụ: hành động chỉ nhằm đến các sự vật mà không tính đến hành vi của người khác thì không được gọi là hành động xã hội - Hành động của các cá nhân trong một đám đông cũng không coi là hành động xã hội, như trời đổ mưa trên đường phố thì nhiều người che dù, mặc áo mưa... thì không phải hành động xã hội - Hai người đi xe quẹt nhau - Hành động bắt chước thuần túy hay làm theo người khác đều không phải là hành động xã hội. Nhưng sự bắt chước đó là một, là mẫu mực, nếu không sẽ bị người khác chê cười thì hành động bắt chước đó là hành động xã hội, vì vậy rất khó xác định được biên giới giữa hành động xã hội và hành động không xã hội...

Có 4 loại hành động xã hội:

+ *Hành động duy lý - công cụ*: là hành động được thực hiện với sự cân nhắc, tính toán, lựa chọn công cụ, phương tiện, mục đích sao cho có hiệu quả nhất: hành động kinh tế;

+ *Hành động duy lý - giá trị*: là hành động được thực hiện vì bản thân hành động. Loại hành động này có thể nhằm vào những mục đích phi lý nhưng lại thực hiện bằng những công cụ, phương tiện duy lý: hành vi tín ngưỡng;

+ *Hành động duy lý - truyền thống*: là hành động tuân thủ những thói quen, nghi lễ, phong tục, tập quán được truyền từ đời này sang đời khác: "hành động theo người xưa", "các cụ dạy", "cổ nhân nói"...;

+ *Hành động duy cảm (xúc cảm)*: là hành động do xúc cảm hoặc tình cảm bộc phát gây ra mà không có sự cân nhắc, xem xét, phân tích: như hành động đám đông quá khích...

Tóm lại, công lao quan trọng của M. Weber đối với xã hội học hiện

đại là việc dựa ra những quan niệm và cách giải quyết độc đáo những vấn đề lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội học. Ngoài ra, lý thuyết xã hội học của ông còn nghiên cứu những vấn đề về hành động xã hội và phân tầng xã hội, về xã hội tư bản nói chung đều đề cập đến hai yếu tố kinh tế và yếu tố phi kinh tế trong quá trình hình thành và biến đổi cấu trúc xã hội.

#### IV. KHÁI QUÁT XÃ HỘI HỌC MARX-LENIN

Marx và Engels, là những người đặt nền móng cho xã hội học và xã hội học mác-xít. Các ông đã phân tích sâu sắc và toàn diện xã hội tư bản chủ nghĩa, phân tích một cách cụ thể những mâu thuẫn trong xã hội tư bản, đã chứng minh quan điểm duy vật về lịch sử và xã hội. Marx và Engels đã phát hiện ra những quy luật phát triển của chủ nghĩa tư bản, phát hiện ra tính quy luật tất yếu của bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội. Di sản đồ sộ của Marx và Engels đã được quán triệt và phát triển thông qua các tác phẩm: *"Tư bản"*, *"Cuộc đấu tranh giai cấp ở Pháp"*, *"Ngày 18 tháng sương mù của Lui Bonapactơ"*, *"Nội chiến ở Pháp"*...

Lenin cũng nghiên cứu rất nhiều những vấn đề về xã hội học, Người đã chỉ ra rằng, để nghiên cứu xã hội học mang tính thực sự khoa học phải xuất phát từ những sự kiện thật, chính xác. Phải xét đến các sự thật riêng biệt, những sự thật có liên quan đến những vấn đề đang xét, những sự thật đã được lựa chọn.

Trong khi phát triển và tiếp tục hoàn thiện khoa học xã hội học Mác xít Lê nin nít, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, luôn sử dụng phương pháp làm việc thể hiện sự thống nhất giữa lý luận và kinh nghiệm. Đó là một đòi hỏi quan trọng trong các hoạt động của các nhà xã hội học nhằm phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Ở Việt Nam, ngành xã hội học tuy mới được xây dựng, song đã có rất nhiều cố gắng phát huy tác dụng để nhận thức và ứng dụng vào quản lý xã hội. Nhiều nhà xã hội học đã kết hợp chặt chẽ với các cấp ủy Đảng, các tổ chức nhà nước và các đoàn thể quần chúng đã có những công trình khảo

sát, phân tích dự đoán dự báo tình hình thực tiễn xã hội, từ đó đề xuất những giải pháp quản lý xã hội nhằm phục vụ quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tuy nhiên, xã hội học là một ngành khoa học còn mới lạ ở nước ta, đội ngũ các chuyên gia xã hội học còn thiếu, điều kiện và kinh phí hoạt động còn khó khăn, vì vậy chưa đáp ứng được những đòi hỏi của xã hội. Nghị quyết Đại hội Đảng lần VIII đã chỉ rõ: "Cần phải phát triển nhanh các ngành khoa học xã hội và nhân văn: kinh tế học, khoa học chính trị, khoa học quản lý, luật học. Phải đưa khoa học xã hội học vào trong đời sống xã hội mới đáp ứng, lý giải được những bức xúc do cuộc sống đặt ra"<sup>2</sup>.

<sup>2</sup> Các văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VIII, Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, trang 128.